TÒA ÁN NHÂN DÂN **K8– LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST-VB
Ngày: 12 - 8 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN K8- LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Bình và ông Hồ Trọng Trung.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Toà án nhân dân K8- Lào Cai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân K8– Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân K8- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ-VB ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Q, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn C + 2, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. Người làm chứng: Bà La Thị T, sinh năm 1962
Địa chỉ: Thôn C + 2, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2025, bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Q tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng với anh Nguyễn Văn H từ cuối năm 2012, không đăng ký kết hôn. Ngày 24/7/2013 anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban

nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn C 1 + 2, xã C, tỉnh Lào Cai hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 28/8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất vào ngày 08/9/2020 anh chị lại tiếp tục cãi chửi nhau. Do không thể chung sống cùng với nhau được nữa nên ngày 12/9/2020, anh chị đã sống ly thân với nhau, từ 12/9/2020 chị Q đã đưa 02 con đi về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống và chuyển hộ khẩu thường trú về xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai (nay là xã V, tỉnh Lào Cai) đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không quan tâm tình cảm gì với nhau nữa, chỉ có một vài lần anh H gọi điện hỏi thăm con. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình, thôn bản hòa giải nhưng không có kết quả gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, khắc phục được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân K8– Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H để sớm đảm bảo cuộc sống của chị.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Văn H có hai người con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 08/11/2013 và cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/01/2016. Từ khi vợ chồng chị sống ly thân, các cháu ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị Hà Thị Q là giáo viên thu nhập được 14.814.900 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng các con chung của anh chị là 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Vì vậy, chị đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Văn H không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Quá trình chung sống, chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Văn H không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H nhưng anh Nguyễn Văn H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Q; không có mặt theo giấy triệu tập, không đến Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt không có lý do tại phiên họp, phiên tòa.

3. Ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Nguyễn Đức T1 và cháu Nguyễn Minh T2 đều trình bày nguyện vọng là muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hà Thị Q đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Thẩm quyền thụ lý

vụ án đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 96 đến Điều 99. Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Q ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T1 - sinh ngày 08/11/2013 và cháu Nguyễn Minh T2 - sinh ngày 16/01/2016 cho chị Hà Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Nguyễn Văn H có địa chỉ: Thôn C + 2, xã C, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân K8– Lào Cai. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228; Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp. Chị Q tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng với anh Nguyễn Văn H từ cuối năm 2012, không đăng ký kết hôn. Ngày 24/7/2013 anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, anh

chị chung sống với nhau tại thôn C 1 + 2, xã C, tỉnh Lào Cai hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 28/8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn; từ ngày 12/9/2020, anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương xác nhận. Đối với anh Nguyễn Văn H, không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q mà bỏ mặc, thờ ơ trước tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hà Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Văn H có hai người con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 08/11/2013 và cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/01/2016. Từ khi vợ chồng chị Q sống ly thân, các cháu ở cùng với chị Q. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy, chị Hà Thị Q là giáo viên thu nhập được 14.814.900 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng các con chung của anh chị là 1.000.000 đồng/tháng/cháu nên chị Hà Thị Q đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Đức T1 và cháu Nguyễn Minh T2 cho chị Hà Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Hà Thị Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, 227, 228, Khoản 2 Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Văn H. Quan hệ hôn nhân của chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Văn H chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 08/11/2013 và cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/01/2016 cho chị Hà Thị Q

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Q phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000004491970 ngày 23/5/2025 nộp trên cổng dịch vụ công quốc gia (Biên lai số: 0004279 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (Nay là Phòng thi hành án dân sự K8– Lào Cai) thu từ lệnh thanh toán đến ngày 23/5/2025. Chị Hà Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND K8– Lào Cai (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Chiềng Ken, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- CCTHADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Nàn Sán
và UBND xã Quan Hồ Thẩn,
huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sầm Thị Tươi